

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-12-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hà Tuấn Vĩnh**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Hồng Điện**.
Bà **Nguyễn Thị Lam**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lăng Đức Lan** - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Mai Thắm** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2023 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28a/2023/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28a/2023/QĐST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị L. sinh năm 1983; địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Văn M, sinh năm 1985; địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa chị Đặng Thị L trình bày: Chị và chồng chị là anh Đặng Văn M tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cả hai không tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, vợ chồng không có con, sau đó nhận nuôi một đứa con nuôi từ năm 2015 cho đến nay, nhưng anh M không có trách nhiệm, suốt ngày đi uống rượu nhà cửa không lo, con đi học cũng không lo, chị đi làm kiếm tiền lo cho gia đình, chồng chị thì không giúp gì cho chị, làm được đồng nào thì uống rượu hết, uống rượu say rồi thì về đánh đập chị và con, chồng chị không chăm lo cho gia đình, ghen tuông vô cớ

thường đánh đập chị vô cớ, vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Hiện tại chị thấy tình cảm giữa hai vợ chồng không còn, có níu kéo cũng không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn M theo quy định.

Về nuôi con: Vợ chồng chị không có con đẻ, nhưng có nuôi 01 con nuôi từ năm 2015 và vợ chồng chị xác định là con chung, cháu tên là Đặng Thị T, sinh ngày 26/8/2015. Khi ly hôn nguyện vọng chị L xin được nuôi con chung là cháu Đặng Thị T cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và chị không đề nghị anh M phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Văn M vắng mặt, anh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không nộp bản tự khai và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án cho Tòa án. Tòa án đã giao thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh M, yêu cầu anh M đến Tòa án để tham gia tố tụng, nhưng anh M đều vắng mặt. Tòa án cũng đã phối hợp với chính quyền địa phương xã V, huyện B trực tiếp thông báo và gửi giấy triệu tập của Tòa án cho anh M đến Tòa án để lấy lời khai và tham gia hòa giải nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do. Anh Đặng Văn M, tại phiên tòa vắng mặt lần hai không có lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với Công an xã V, trưởng thôn, UBND xã nơi anh M, chị L cư trú phản ánh về tình trạng hôn nhân của chị Đặng Thị L và anh Đặng Văn M như sau: Chị Đặng Thị L và anh Đặng Văn M tìm hiểu và xây dựng gia đình từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Quá trình chung sống anh chị không có con đẻ, năm 2015 anh chị nhận nuôi một đứa con nuôi và xác định là con chung, hiện tại chị L là người trực tiếp nuôi cháu, anh M suốt ngày uống rượu say, không giúp gì cho chị M, anh chị đã sống ly thân từ năm 2020, trong thời gian sống ly thân vợ chồng anh M, chị L không quan tâm đến nhau, quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung gì có giá trị.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án thu thập chứng cứ chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn nội dung thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ tục đối với phiên phiên tòa dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn về việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án quy định tại Điều 72 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị L đối với anh Đặng Văn M về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Về nuôi con: Giao cháu Đặng Thị T, sinh ngày 26/8/2015 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, lời trình bày của đương sự, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị Đặng Thị L có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Thẩm quyền theo cấp xét xử thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đặng Văn M có nơi cư trú tại thôn N, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thẩm quyền theo lãnh thổ là Tòa án nơi bị đơn cư trú nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án anh M nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh M vẫn không có mặt và cũng không có ý kiến gì về việc chị L yêu cầu ly hôn. Xét thấy Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Đặng Văn M vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đặng Văn M.

[3] Về hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Đặng Văn M tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 21/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang nên hôn nhân giữa chị L và anh M là hợp pháp.

[4] Xét tình trạng hôn nhân: Quá trình chung sống chị L và anh M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hai bên không có sự động viên, chia sẻ, tạo điều kiện giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trong công việc hàng ngày, anh M suốt ngày uống rượu say, không giúp gì cho cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn đã thường xuyên xảy ra căng thẳng mặc dù đã được gia đình can thiệp hòa giải nhưng vẫn không sửa chữa khắc phục, không cải thiện tốt quan hệ vợ chồng, khả năng đoàn tụ không còn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho anh M, anh M nhận văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến về

yêu cầu ly hôn của chị L. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo biên bản xác minh tại chính quyền xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang thể hiện, anh M suốt ngày uống rượu say, không giúp gì cho chị L, thời gian anh M và chị L sống ly thân đã lâu. Chị L xác định không còn tình cảm với anh M, vợ chồng không hòa thuận, không thể tiếp tục chung sống với nhau, chị L kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị L không tạo điều kiện để tiếp tục chung sống. Cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh M thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cả hai không quan tâm, chăm sóc đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[5] Về nuôi con: Quá trình chung sống, anh chị không có con đẻ, anh chị có 01 con nuôi từ năm 2015 và vợ chồng chị xác định là con chung, cháu tên là Đặng Thị T, sinh ngày 26/8/2015. Xét thấy cháu T đang ở cùng chị L, anh M thường hay uống rượu, không chăm lo cuộc sống gia đình, mặt khác Tòa án lấy lời khai của cháu T và cháu T mong muốn ở với chị L, quá trình giải quyết vụ án anh M không có mặt nên không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao cháu T cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đặng Văn M được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này.

[6] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết. Do vậy HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 68, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đặng Thị L. Chị Đặng Thị L được ly hôn anh Đặng Văn M.

Về nuôi con: Chị Đặng Thị L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Đặng Thị T, sinh ngày 26/8/2015 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung chị L, anh M có

quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về Án phí: Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang theo biên lai số 0003312, ngày 13/10/2023.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã Việt Vinh (Nơi ĐKKH);
- Chi cục THA huyện Bắc Quang;
- Lưu HS-BP.

Hà Tuấn Vĩnh